



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 61

Ngày 15 tháng 10 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

03-10-2011	Quyết định số 61/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh.	3
------------	---	---

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

31-8-2011	Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND về ban hành Quy định về khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ.	16
16-9-2011	Chỉ thị số 04/2011/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2011 - 2012 tại huyện Cần Giờ.	25

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

10-8-2011 Hướng dẫn số 2345/HD-SQHKT hướng dẫn nội dung thành phần hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Quy hoạch- Kiến trúc trong công tác quản lý quy hoạch đô thị để triển khai thực hiện các Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011; Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND thành phố.

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2011/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 416/TTr-VNCPT ngày 17 tháng 8 năm 2011 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 650/TTr-SNV ngày 09 tháng 9 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các Quyết định sau đây của Ủy ban nhân dân thành phố: Quyết định số 128/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2001 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt

động của Viện Kinh tế thành phố, Quyết định số 121/2006/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2006 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố và Quyết định số 177/2006/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2006 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2011/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Viện) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động. Viện có chức năng nghiên cứu khoa học, tham mưu và tư vấn cho Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị.

Viện có tư cách pháp nhân, được cấp kinh phí nghiên cứu khoa học và kinh phí hoạt động, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của Nhà nước.

Tên giao dịch tiếng Anh: HO CHI MINH CITY INSTITUTE FOR DEVELOPMENT STUDIES, viết tắt là HIDS.

Trụ sở chính của Viện: số 28, đường Lê Quý Đôn, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 39321346 - Fax: (84.8) 39321370.

Trụ sở cơ sở 1: số 149, đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 38296558 - Fax: (84.8) 38208249.

Trụ sở cơ sở 2: số 216, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 39303722 - Fax: (84.8) 39303293.

Điều 2. Viện chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố; được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thông qua kế hoạch hàng năm và các nhiệm vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Viện, được quy định tại Chương II của Quy chế này.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 3. Về nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu xây dựng định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm năm và dài hạn, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố trong mối quan hệ với khu vực và cả nước; dự báo xu hướng phát triển; nghiên cứu nguồn nhân lực và các nhân tố phát triển khác; tham gia xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và quy hoạch phát triển ngành trên địa bàn thành phố.

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố về chiến lược, chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học về kinh tế - xã hội trong dài hạn, 5 năm, hàng năm của Viện và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt.

b) Chủ trì nghiên cứu và tổ chức thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố, quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Nghiên cứu những cơ chế, chính sách quản lý kinh tế vĩ mô xuất phát từ thực tiễn của thành phố và khu vực làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, biện pháp nhằm phục vụ yêu cầu phát triển của thành phố; tham gia đóng góp ý kiến với bộ - ngành Trung ương trong việc hoạch định chính sách quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

d) Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; nghiên cứu đề xuất các quy định mới để vận hành theo mục tiêu phát triển.

đ) Nghiên cứu về quản trị và phát triển doanh nghiệp nhằm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc quản lý Nhà nước đối với các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

e) Chủ trì nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu, thẩm định các chương trình, đề

án, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố, các sở - ngành, quận - huyện.

2. Nghiên cứu xây dựng định hướng chiến lược, kế hoạch quản lý phát triển đô thị trên địa bàn thành phố.

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố về chiến lược, chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học về quản lý đô thị trong dài hạn, 5 năm, hàng năm của Viện và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt.

b) Chủ trì nghiên cứu và tổ chức thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chung thành phố; quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị riêng và quy hoạch điểm dân cư nông thôn; lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; lập quy hoạch sử dụng đất; đo vẽ, lập bản đồ địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố và quận - huyện.

c) Tổ chức nghiên cứu quy hoạch đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, địa điểm xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu đô thị và điểm dân cư nông thôn, các khu chức năng và các công trình xây dựng quan trọng trên địa bàn thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Nghiên cứu các cơ chế chính sách về quản lý phát triển đô thị của thành phố theo quy hoạch xây dựng, kiến trúc đô thị và môi trường.

đ) Tổ chức nghiên cứu đánh giá tình hình quản lý phát triển đô thị sau quy hoạch xây dựng và đánh giá tác động môi trường trong quá trình phát triển đô thị của thành phố.

e) Chủ trì nghiên cứu hoặc tham gia nghiên cứu, thẩm định các chương trình, đề án, dự án quy hoạch và môi trường đô thị theo yêu cầu của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố, các sở - ngành, quận - huyện.

3. Nghiên cứu về quá trình phát triển đô thị, về truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa của thành phố phục vụ cho việc xây dựng chiến lược phát triển bền vững của thành phố.

4. Tham gia quản lý hệ thống đề tài khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị của thành phố. Tổ chức xét duyệt, phân bổ kinh phí, theo dõi quá trình thực hiện, tổ chức nghiệm thu, đề xuất phương hướng sử dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học do Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Viện quản lý và thực hiện.

Điều 4. Về công tác tham mưu

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện công tác của thành viên thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức điều phối phát triển Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện phối hợp với Bộ Xây dựng về Quy hoạch xây dựng vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh, Quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tham mưu cho Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị trên địa bàn thành phố trên cơ sở phân tích và cập nhật tình hình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị định kỳ hàng quý, sáu tháng và năm.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng định hướng chiến lược, kế hoạch quản lý phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị.

5. Tham mưu cho Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế chính sách kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường phục vụ mục tiêu quản lý phát triển đô thị của thành phố.

6. Nghiên cứu soạn thảo hoặc tham gia soạn thảo các văn kiện phục vụ Đại hội Đảng bộ thành phố, Hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy theo sự phân công của Thành ủy.

7. Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội; tham gia với các sở - ngành sơ kết, tổng kết việc triển khai nghị quyết, phát hiện các vấn đề kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị nảy sinh và đề xuất các giải pháp, biện pháp để đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết của Đảng.

Điều 5. Về hợp tác nghiên cứu, đào tạo và tư vấn

1. Hợp tác với các cơ quan, đơn vị, tổ chức khoa học hoặc cá nhân trong và ngoài nước trong việc nghiên cứu khoa học, trao đổi cán bộ khoa học, đào tạo về quản lý phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị theo quy định hiện hành của Nhà nước nhưng không được hợp tác dưới hình thức tham gia góp vốn thành lập pháp nhân mới.

2. Thực hiện tư vấn theo yêu cầu của các tổ chức và cá nhân trên các lĩnh vực phục vụ chuyên dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị của thành phố.

3. Thực hiện dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin về kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị cho các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, theo yêu cầu và đúng với quy định của Nhà nước.

4. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về tài chính, kinh tế - xã hội, quy hoạch môi trường đô thị cho đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, quản lý doanh nghiệp trên địa bàn thành phố theo quy định.

5. Tham gia đào tạo sau đại học các chuyên ngành kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Về tổ chức hệ thống thông tin

1. Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp về kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu phục vụ cho công tác lãnh đạo điều hành của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, trên cơ sở được cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin từ các sở - ngành và quận - huyện trên địa bàn thành phố, khai thác mạng thông tin của thành phố và do Viện tổ chức thu thập, điều tra từ các nguồn khác, để xử lý, lưu trữ, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông tin.

2. Viện được in ấn, phát hành tài liệu về kết quả nghiên cứu, kỷ yếu hội thảo khoa học, nội san và tạp chí chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

3. Viện sử dụng, bảo quản các tài liệu, số liệu, kết quả nghiên cứu đã hoặc đang thực hiện của Viện hoặc của các cơ quan khác cung cấp theo đúng quy định của Nhà nước về chế độ bảo mật.

4. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh theo định kỳ 6 tháng, hàng năm có văn bản, báo cáo tình hình, kết quả nghiên cứu khoa học cho Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHOA HỌC

Điều 7. Hoạt động của Hội đồng Khoa học Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng Khoa học tư vấn giúp Viện trưởng các vấn đề nghiên cứu khoa học và các mặt hoạt động có liên quan của Viện. Thành viên của Hội đồng Khoa học là những cán bộ chuyên môn có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu khoa

học ở trong và ngoài Viện. Thành viên Hội đồng Khoa học do Viện trưởng chỉ định hoặc qua kết quả bầu chọn. Tổ chức, nhiệm vụ và chế độ hoạt động của Hội đồng Khoa học do Viện trưởng quy định.

Điều 8. Công tác nghiên cứu khoa học

1. Các hoạt động nghiên cứu khoa học về kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị, nghiên cứu thực nghiệm, ứng dụng, chuyển giao công nghệ của Viện đều phải tuân thủ theo các quy định, quy trình của Nhà nước về quản lý nghiên cứu khoa học.

2. Tất cả các đề tài, dự án do Viện thực hiện từ khâu lập đề cương, chuyên đề nghiên cứu khoa học, thẩm tra xét duyệt đến nghiệm thu quyết toán đều phải theo qui trình quản lý đề tài, dự án nghiên cứu khoa học theo quy định của cấp có thẩm quyền. Trước khi xét duyệt nghiệm thu quyết toán đề tài, dự án phải được thông qua Hội đồng chuyên ngành thích hợp hoặc Hội đồng Khoa học theo sự phân cấp của Viện.

3. Tất cả sản phẩm (bao gồm các hồ sơ tài liệu - điều tra, bản đồ, hồ sơ nghiên cứu khoa học,...) do Viện thực hiện và các tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học đều phải thống nhất về biểu mẫu, hình thức theo quy định và phải được lưu trữ một bộ tại bộ phận quản lý khoa học của Viện.

Điều 9. Công tác kế hoạch và quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học

1. Viện chủ động xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cho tất cả các lĩnh vực hoạt động của Viện và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc bao gồm: nghiên cứu khoa học về kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học về quy hoạch xây dựng và môi trường đô thị, lập các loại đồ án quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đầu tư chiều sâu, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị,... trình Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Căn cứ kế hoạch hàng năm do Ủy ban nhân dân thành phố giao; Viện chủ động đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện, quản lý và sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học theo đúng quy định hiện hành. Các hoạt động hợp tác về đào tạo, nghiên cứu, tư vấn được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế phù hợp với chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 10. Nguyên tắc chung

1. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố do Viện trưởng phụ trách quản lý và điều hành chung theo chế độ thủ trưởng, giúp việc cho Viện trưởng có các Phó Viện trưởng.

2. Viện trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó Viện trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng.

3. Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố về toàn bộ hoạt động của Viện; Phó Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Viện trưởng về kết quả công việc được giao.

4. Viện trưởng quyết định bổ nhiệm (hoặc miễn nhiệm), khen thưởng (hoặc kỷ luật) các chức danh Trưởng, Phó các phòng, ban và đơn vị sự nghiệp trực thuộc của Viện theo phân công, phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

Điều 11. Biên chế của Viện

1. Biên chế của Viện được Ủy ban nhân dân thành phố giao, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Viện.

Ngoài số cán bộ trong biên chế theo chỉ tiêu được giao, Viện được quyền ký hợp đồng lao động theo yêu cầu của công tác nghiên cứu và khả năng kinh phí của Viện, dưới hình thức cộng tác viên khoa học hoặc hợp đồng có thời hạn, hợp đồng vụ việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

Viện được hợp đồng hợp tác hoặc cộng tác với chuyên gia nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và biên chế của Viện, Viện trưởng quyết định thành lập, phân công và quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban và đơn vị trực thuộc nếu có của Viện sau khi đã thống nhất với Sở Nội vụ.

Điều 12. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Viện

1. Khối nghiên cứu và tham mưu:

Gồm một số phòng nghiên cứu về các lĩnh vực, như sau: phát triển kinh tế, quản lý đô thị môi trường, văn hóa - xã hội, xây dựng cơ chế chính sách.

2. Khối nghiệp vụ quản lý:

a) Văn phòng.

b) Phòng Quản lý khoa học.

c) Ban Quản lý dự án quy hoạch đô thị.

3. Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc:

- a) Viện Quy hoạch Xây dựng.
- b) Trung tâm Tư vấn ứng dụng kinh tế.
- c) Trung tâm Hỗ trợ hội nhập WTO của thành phố Hồ Chí Minh.
- d) Trung tâm Thông tin tổng hợp.
- đ) Tạp chí Khoa học.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Viện thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo phân loại sự nghiệp được cấp có thẩm quyền quy định.

1. Nguồn thu: Tài chính của Viện gồm có:

a) Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch ổn định để thực hiện các hoạt động hành chính sự nghiệp và công tác nghiên cứu khoa học, có tính đến yêu cầu xây dựng và phát triển về lâu dài.

b) Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp hàng năm cho kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho các tổ chức và cá nhân của thành phố.

c) Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp sự nghiệp cho công tác liên quan đến lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch điểm dân cư nông thôn; thiết kế đô thị riêng; lập quy chế quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị.

d) Các khoản thu từ hợp đồng nghiên cứu và tư vấn với các cơ quan, tổ chức trong nước và ngoài nước.

đ) Các khoản tài trợ của các cơ quan, tổ chức trong nước và ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

e) Các khoản thu khác.

2. Các khoản chi: Của Viện bao gồm:

a) Chi cho quản lý hoạt động thường xuyên của Viện theo chế độ quy định đối với cơ quan hành chính sự nghiệp.

b) Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học theo qui chế quản lý đề tài, dự án nghiên cứu khoa học theo quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Các khoản chi khác theo quy định.

d) Các khoản tài trợ của các cơ quan, tổ chức trong nước và ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 14. Viện được tạo nguồn thu cho nghiên cứu khoa học (kể cả nguồn thu ngoại tệ), được nhận tài trợ về nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ của các cơ quan, tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của Nhà nước; được sử dụng các nguồn thu khác theo quy định.

Điều 15. Công tác kế toán

Thực hiện chế độ kế toán theo quy định hiện hành về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Điều 16. Quản lý tài sản, trang thiết bị

Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong việc quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị làm việc của Viện theo quy định.

Chương VI CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 17. Đối với lãnh đạo thành phố

1. Đối với Thành ủy:

Viện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy về phương hướng nghiên cứu khoa học và thực hiện những nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thành ủy.

2. Đối với Hội đồng nhân dân thành phố:

Viện có nhiệm vụ tham gia nghiên cứu nhằm cụ thể hóa nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các công tác nghiên cứu khác theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố:

Viện chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố về các mặt công tác, tổ chức, biên chế; thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học do thành phố giao và những công việc khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố. Viện có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kế hoạch hoạt động của Viện cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định.

Điều 18. Đối với các sở - ngành và quận - huyện

1. Thực hiện quan hệ phối hợp với các sở - ngành thành phố, đơn vị thuộc thành phố và các cơ quan chuyên môn đặc thù của thành phố nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện theo yêu cầu của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Viện được phép yêu cầu các sở - ngành và các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở - ngành; Ủy ban nhân dân các quận - huyện cung cấp thông tin về số liệu, tài liệu liên quan đến các vấn đề kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị (kể cả các kết quả nghiên cứu về quản lý phát triển) cho Viện; cử cán bộ nghiên cứu tham dự các hội thảo, hội nghị trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị do các sở - ngành tổ chức, để Viện có điều kiện trực tiếp nắm bắt thông tin nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố giao.

3. Giữ mối quan hệ thường xuyên với Văn phòng Thành ủy, các Ban Đảng của Thành ủy, các cấp ủy quận - huyện và tương đương để thực hiện hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ do Thành ủy phân công trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện theo Quy chế này.

4. Phối hợp với các Hội đồng Khoa học của thành phố để mời các nhà khoa học, chuyên gia về kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị tham gia những chương trình hoạt động nghiên cứu khoa học và đào tạo của Viện theo quy định của Nhà nước.

5. Viện chịu sự quản lý, hướng dẫn và giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong các lĩnh vực như kế hoạch, tài chính, nghiên cứu khoa học, tổ chức cán bộ... phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 19. Đối với cơ quan của Trung ương và các tỉnh, thành phố khác

1. Viện có nhiệm vụ phối hợp, hợp tác với các cơ quan nghiên cứu khoa học và đào tạo của Trung ương; các cơ quan chức năng và tổ chức khoa học của các tỉnh, thành, để xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học và phối hợp thực hiện những chương trình, đề tài nghiên cứu mang tính quốc gia hoặc vùng.

2. Viện được quyền quan hệ hợp tác với các cơ quan Trung ương, các tổ chức kinh tế, xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị trên địa bàn thành phố và các tỉnh, thành trong cả nước, để thu thập thông tin phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

3. Viện được quyền phối hợp, làm việc với các cơ quan, các tổ chức đoàn thể, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức tư vấn và các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện.

Điều 20. Về quan hệ quốc tế

Viện được phép hợp tác với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân nước ngoài trong trao đổi nghiên cứu khoa học, tư vấn và hợp tác đào tạo trên các lĩnh vực quản lý phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và môi trường đô thị, những lĩnh vực trong quan hệ quốc tế khác có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Viện.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố căn cứ vào nội dung của Quy chế này, ban hành quy chế tổ chức và hoạt động cụ thể của các đơn vị trực thuộc; quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Khoa học; quy chế chi tiêu nội bộ; các quy định cụ thể về chế độ quản lý lao động, chế độ thi đua - khen thưởng, chế độ quản lý theo từng lĩnh vực, phân công nhiệm vụ cho cán bộ - công chức, viên chức thuộc phạm vi cơ cấu tổ chức của Viện.

Điều 22. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những điểm không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển có trách nhiệm kịp thời báo cáo thông qua Sở Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi nội dung Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2011/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 31 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy định về khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất,
kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng
trên địa bàn huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ

quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2008/CT-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 498/TTr-QLĐT ngày 29 tháng 8 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Thanh tra Xây dựng huyện, Chi Cục trưởng Chi Cục Thống kê huyện, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế huyện, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

thị trấn và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng,
nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ**

*(Kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2011
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này là cơ sở pháp lý để thống nhất thực hiện công tác quản lý Nhà nước về hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ (gọi tắt là hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng), nhằm mục đích hạn chế những tác hại đến môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, giữ gìn cảnh quan đô thị, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân kinh doanh hợp pháp mặt hàng vật liệu xây dựng và người tiêu dùng.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, các cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước có liên quan.

2. Phạm vi áp dụng: Hoạt động sản xuất (bao gồm gia công và chế biến), kinh doanh vật liệu xây dựng; hoạt động để phế thải vật liệu xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH KHU VỰC, ĐƯỜNG PHỐ, ĐỊA ĐIỂM SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG, NƠI ĐỂ PHẾ THẢI VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 3. Địa điểm sản xuất vật liệu xây dựng

Địa điểm sản xuất vật liệu xây dựng là nơi đặt nhà xưởng và trang thiết bị, máy móc được sử dụng để sản xuất hoặc chế biến nguyên liệu, bán thành phẩm ra sản phẩm.

Cơ quan quản lý các tổ chức, cá nhân sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện theo Quyết định số 200/2004/QĐ-UB ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư tập trung.

Điều 4. Địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng

Địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng bao gồm trạm tiếp nhận, kho, bãi tồn trữ, bến thủy bốc dỡ, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng buôn bán, cửa hàng giới thiệu sản phẩm.

Địa điểm kinh doanh là nơi hoạt động giao dịch, trao đổi, thỏa thuận việc mua bán hàng hóa vật liệu xây dựng của tổ chức, cá nhân. Việc bày bán vật liệu xây dựng phải phù hợp với quy định khu vực, đường phố được phép kinh doanh vật liệu xây dựng của huyện Cần Giờ; phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, trật tự an toàn giao thông, không xâm phạm chỉ giới giao thông, không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ đê, hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường sông và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, khu vực di tích lịch sử văn hóa, khu vực danh lam thắng cảnh; phải có trang thiết bị phòng, chống cháy, nổ và tuân thủ theo quy định của cơ quan chuyên ngành phòng cháy, chữa cháy.

Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về địa điểm sản xuất, kinh doanh. Việc bày bán vật liệu xây dựng chỉ được thực hiện tại các tuyến đường được quy định cụ thể theo Phụ lục 1 đính kèm Quy định này.

Điều 5. Nơi để phế thải vật liệu xây dựng

Phế thải vật liệu xây dựng là sản phẩm, vật liệu bị loại ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng hoặc sử dụng trong các công trình xây dựng.

Chủ nguồn thải chịu trách nhiệm và thực hiện đúng quy định về nơi để phế thải vật liệu xây dựng tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Chương III

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 6. Kiểm tra, thanh tra

Định kỳ 06 tháng, năm tổ chức kiểm tra hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng. Kiểm tra đột xuất khi có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc phản ánh từ các phương tiện thông tin đại chúng.

Thanh tra theo kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, để phế thải vật liệu xây dựng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đơn khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức, cá nhân hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện Cần Giờ phải chấp hành việc kiểm tra, thanh tra của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành theo Quy định này.

Điều 7. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng bị xử phạt theo tính chất, mức độ vi phạm, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Ngoài việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định, tên các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính, nội dung vi phạm, hình thức xử phạt được công bố trên Trang tin điện tử (Website) của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Sở Xây dựng thành phố.

Mức xử phạt được áp dụng theo Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Cán bộ, công chức có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi sẽ bị xử lý kỷ luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Xử lý chuyển tiếp

Các tổ chức, cá nhân đang hoạt động kinh doanh bày bán, giao nhận hàng hóa, có địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng tại những khu vực, đường phố, địa điểm không thuộc Bảng danh mục của Phụ lục 1 đính kèm Quy định này được phép tồn tại nhưng không được phép mở rộng quy mô, nâng cấp, xây mới.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị trực thuộc

1. Phòng Quản lý đô thị chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu đề xuất cho Thường trực Ủy ban nhân dân huyện các điểm kinh doanh vật liệu xây dựng được tiếp tục kinh doanh hoặc phải di dời do không đủ điều kiện về địa điểm theo Quy định.

2. Phòng Kinh tế thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể và có ý kiến về Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố đối với các doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn huyện thuộc ngành nghề quy định trong Quyết định này.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, xử lý các trường hợp gia công chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng vi phạm gây ảnh hưởng môi trường trong khu dân cư và nơi công cộng.

4. Chi Cục Thống kê phối hợp cung cấp thông tin báo cáo định kỳ (6 tháng, hàng năm) và đột xuất về tình hình gia công chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng của tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về lao động của các cơ sở, gia công chế biến, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

6. Thanh tra Xây dựng huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra tất cả các điểm gia công chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao.

7. Chi Cục Thuế kiểm tra việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng, xử lý và kiến nghị xử lý đối với trường hợp vi phạm pháp luật thuế; giải quyết các khiếu nại, tố cáo về thuế theo thẩm quyền.

8. Đội Quản lý thị trường huyện kiểm tra, kiểm soát thị trường, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thương mại đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện.

9. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn công bố khu vực hoặc tuyến đường đã quy định về việc ban hành quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh

vật liệu xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng trên địa bàn mình quản lý. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra các điểm kinh doanh vật liệu xây dựng cho phù hợp với quy hoạch của địa phương, đối với các trường hợp không phù hợp quy hoạch đề nghị các đơn vị có phương án di dời. Xử lý các điểm kinh doanh vật liệu xây dựng không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Xử lý kiên quyết các trường hợp lấn chiếm, sử dụng vỉa hè, lề đường làm nơi kinh doanh.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vật liệu xây dựng, thương mại và các pháp luật liên quan khác.

2. Tổ chức, cá nhân khi đăng ký kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng kinh doanh có điều kiện phải lựa chọn ngành, nghề kinh doanh và ghi mã ngành, nghề kinh doanh vào Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo Hệ thống ngành kinh tế được Chính phủ quy định.

3. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng theo biểu mẫu của Tổng Cục Thống kê và Bộ Xây dựng.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ giao Phòng Quản lý đô thị hàng năm rà soát lại Quy định này để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Cần Giờ và thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

Phụ lục 1
Danh mục tuyến đường được phép bày bán vật liệu xây dựng
trên địa bàn huyện Cần Giờ

STT	Tuyến đường	Giới hạn	
		Từ	Đến
01	Đường Duyên Hải	Đường Nguyễn Phan Vinh	Đường Lê Hùng Yên
02	Đường Đào Cử	Đường Duyên Hải	Đường Tác Xuất
03	Đường Lê Trọng Mân	Đầu tuyến	Cuối tuyến
04	Đường Thạnh Thới	Đường Duyên Hải	Đường Lương Văn Nho
05	Đường Duyên Hải	Đường Thạnh Thới	Đường Nguyễn Văn Mạnh
06	Đường Duyên Hải	Trường Tiểu học Đồng Hòa	Doanh trại Quân đội áp Đồng Tranh, xã Long Hòa
07	Đường Rừng Sác	Bến phà Bình Khánh	Đường Trần Quang Quờn
08	Đường An Thới Đông	Bến đò ngang sông áp An Đông, xã An Thới Đông	Nhà văn hóa xã An Thới Đông
09	Đường Bà Xán	Đầu tuyến	Cuối tuyến
10	Đường Quãng Xuyên	Đầu tuyến	Cuối tuyến
11	Đường Tam Thôn Hiệp	Đường Rừng Sác	Trường THPT An Nghĩa
12	Đường Tam Thôn Hiệp	Khu dân cư An Hòa	Khu dân cư An Phước
13	Đường Nguyễn Công Bao	Đầu tuyến	Cuối tuyến
14	Đường Lý Nhơn	Cầu Vàm Sát	Khu dân cư Lý Hòa Hiệp
15	Đường Dương Vạn Hạnh	Đường Lý Nhơn	Khu dân cư Trung tâm xã Lý Nhơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2011/CT-UBND

Cần Giờ, ngày 16 tháng 9 năm 2011

CHỈ THỊ

Về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2011 - 2012 tại huyện Cần Giờ

Thực hiện Chỉ thị số 28/2011/CT-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2011 - 2012 tại thành phố Hồ Chí Minh; để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt trong năm học 2010 - 2011, huy động sức mạnh tổng hợp các nguồn lực xã hội phục vụ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện và nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cần Giờ lần X, Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Chương trình phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020, Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 -2015; Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Kế hoạch Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015.

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Hiệu trưởng các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Cần Giờ, các đoàn thể huyện và các tổ chức xã hội tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ năm học 2011 - 2012, với những nội dung trọng tâm sau:

1. Công tác chính trị tư tưởng:

a) Tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên những nội dung cơ bản Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ X; triển khai thực hiện Chương trình hành động đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào

tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, thành phố và của huyện Cần Giờ.

b) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; và cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; tổ chức tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

c) Tiếp tục triển khai chủ trương “Đổi mới toàn diện nhà trường”, thực hiện chủ đề tư tưởng “Sống có trách nhiệm, sống trung thực”; nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh trong toàn ngành.

d) Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động Đoàn, Đội trong nhà trường; gắn chặt hoạt động Đoàn, Đội với nhiệm vụ năm học; tăng cường giáo dục lý tưởng sống, kỹ năng sống cho học sinh; phấn đấu đào tạo một thế hệ học sinh huyện có trí tuệ, có thể lực, sống có trách nhiệm, văn minh, nghĩa tình.

e) Phối hợp với Hội Khuyến học và các phương tiện truyền thông để tuyên truyền, phát huy truyền thống hiếu học, lao động sáng tạo của người Việt Nam; phổ biến, nhân rộng các tấm gương điển hình trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh xuất sắc.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo:

a) Xây dựng kế hoạch năm học 2011 - 2012 thật cụ thể và chi tiết, gắn chặt với chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2011 - 2015; tiếp tục triển khai Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Chương trình phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020, Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2011 Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về phê duyệt Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2010 - 2015, Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tập trung ưu tiên các nguồn lực để đảm bảo hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào cuối năm 2012; triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học; tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, nhất là ở cấp tiểu học.

b) Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; củng cố, duy trì kết quả phổ cập bậc trung học.

c) Điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng giảm tải, tiếp tục đổi mới phương

pháp giáo dục, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông; triển khai tự đánh giá, đẩy mạnh triển khai đánh giá ngoài các trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

d) Triển khai thực hiện Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông Cần Giờ giai đoạn 2011 - 2015; Tham gia chương trình quốc tế (PISA) đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

e) Duy trì chất lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm văn hóa ngoài giờ; tiếp tục củng cố các Trung tâm giáo dục cộng đồng. Tạo điều kiện thuận lợi cho các trung tâm hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân, nhất là nhu cầu học tập tin học, ngoại ngữ, tiến đến xây dựng xã hội học tập trên địa bàn huyện. Triển khai Đề án xây dựng xã hội học tập và Đề án Xóa mù chữ giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện Cần Giờ.

g) Tích cực hướng nghiệp học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

3. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo:

a) Triển khai thực hiện Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn huyện.

b) Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Tăng cường vai trò của Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trường học và chính quyền địa phương trong việc quản lý thu, chi tài chính tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, xử lý nghiêm các vi phạm.

c) Thực hiện cải cách hành chính; nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên.

d) Triển khai đổi mới công tác thi đua, khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

4. Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên:

a) Tăng cường công tác xây dựng, thực hiện quy hoạch đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Triển khai thực hiện chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở; tập huấn và triển khai chuẩn hiệu trưởng các trường mầm non và trường tiểu học.

b) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý giáo dục; giáo viên các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; viên chức làm công tác thiết bị và thư viện. Đặc biệt chú trọng nội dung bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá.

c) Tập trung thanh tra chuyên đề, thanh tra chuyên môn. Thanh tra các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập mới hình thành và đưa vào hoạt động. Tăng cường kiểm tra các hoạt động dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường.

d) Kiên quyết giải quyết triệt để những giáo viên và đơn vị trường học vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, xây dựng cơ chế bãi miễn những cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, làm mất uy tín nhà giáo.

5. Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất ngành:

a) Đẩy mạnh xây dựng trường, lớp theo quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Tăng cường các giải pháp để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng và bảo quản tốt các thiết bị dạy học đã được trang bị. Chủ động tổ chức rà soát, mua sắm bổ sung sách, thiết bị dạy học và vật tư tiêu hao hàng năm, kịp thời phục vụ năm học mới.

c) Tiếp tục khai thác, thu hút các nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của huyện; đồng thời tranh thủ các nguồn lực ngoài xã hội đóng góp tự nguyện, hợp pháp cho việc trang bị, xây dựng các trường học, nhất là các vùng khó khăn.

d) Vận động các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các đơn vị kinh tế, các mạnh thường quân hỗ trợ học sinh nghèo, con em diện chính sách xã hội, các đối tượng phổ cập giáo dục, đảm bảo tất cả trẻ em đều được đi học, được chăm sóc, được hưởng các chế độ chính sách theo quy định.

6. Đẩy mạnh các hoạt động giao lưu:

a) Mở rộng các hoạt động giao lưu nhằm thu hút đầu tư, giao lưu hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau giữa các trường trong huyện và trong thành phố có giáo dục phát triển nổi bật.

b) Xây dựng và khuyến khích các mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, hiệu quả đang là xu hướng phát triển đáp ứng đòi hỏi của huyện và thành phố trong thời kỳ hội nhập theo tinh thần Thông báo kết luận số 242-TB/TW của Bộ Chính trị.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các Phòng, ban chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Hiệu trưởng các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm học 2011 - 2012.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đoàn Văn Thanh

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ QUY HOẠCH-KIẾN TRÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2345/HD-SQHKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn nội dung thành phần hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong công tác quản lý quy hoạch đô thị để triển khai thực hiện các Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011; Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND, Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND thành phố

Thực hiện Luật Quy hoạch đô thị ngày 16/6/2009, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và triển khai thực hiện các quyết định của UBND thành phố: Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 ban hành quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 về cấp Giấy phép quy hoạch tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 ban hành quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn thành phần hồ sơ được áp dụng thực hiện tại Sở Quy hoạch - Kiến trúc như sau:

I. Thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (lập mới và điều chỉnh tổng thể):

1. Đối với quy hoạch chung thị trấn; các đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn; quy hoạch chung khu công nghiệp (quy mô ≥ 500 ha):

1.1. Lập mới quy hoạch:**a) Thành phần bộ hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (theo mẫu);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư có liên quan đến nhiệm vụ quy hoạch chung;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các quy hoạch chung không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của UBND quận - huyện);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ.

- Thuyết minh;

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch chung huyện hoặc thành phố;

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch chung, tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000;

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 1 Mục IX Hướng dẫn này.

1.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm:

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung của UBND Thành phố;

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chung của UBND Thành phố, đính kèm bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã phê duyệt.

2. Đối với quy hoạch phân khu:**2.1. Lập mới quy hoạch:****a) Thành phần bộ hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (theo mẫu);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến nhiệm vụ quy hoạch phân khu;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các quy hoạch phân khu không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của UBND quận - huyện);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ.

- Thuyết minh;

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch chung đô thị;

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch phân khu, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 1 Mục IX Hướng dẫn này.

2.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm:

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu (hoặc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000) của cơ quan có thẩm quyền đính kèm bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã phê duyệt.

3. Đối với quy hoạch chi tiết (*áp dụng cho các quy hoạch chi tiết phục vụ cho công tác quản lý đô thị và quy hoạch chi tiết cho các dự án đầu tư xây dựng không thuộc các trường hợp cần cấp Giấy phép quy hoạch - khu đất đã có đầy đủ thông tin quy hoạch, đủ điều kiện để lập quy hoạch chi tiết*):

3.1. Lập mới quy hoạch:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (theo mẫu);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến nhiệm vụ quy hoạch chi tiết;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận, huyện (đối với các quy hoạch chi tiết phục vụ cho công tác quản lý đô thị).

- Đối với các quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng công trình, có thêm bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản cung cấp thông tin quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực hoặc Chứng chỉ quy hoạch (nếu có), và một trong các văn bản sau đây:

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản công nhận là chủ đầu tư của UBND thành phố hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ (*đối với các dự án phát triển nhà ở thực hiện theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP*);

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản giao làm chủ đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (*đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước*).

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận địa điểm đầu tư của UBND thành phố hoặc văn bản cho phép đầu tư của Sở Tài nguyên và Môi trường còn hiệu lực (*đối với các dự án đầu tư đã thực hiện thủ tục giao thuê đất theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố*).

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất (*đối với các chủ đầu tư đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất*).

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất, giao thuê đất theo quy định của pháp luật (*đối với các chủ đầu tư đã có pháp lý về quyền sử dụng đất, giao thuê đất theo quy định*);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung liên quan trong hồ sơ.

- Thuyết minh;

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đô thị;

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 (đối với quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng thì sử dụng bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) bản đồ hiện trạng vị trí, tỉ lệ 1/500).

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 1 Mục IX Hướng dẫn này.

3.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm:

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) của cơ quan có thẩm quyền đính kèm bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã phê duyệt.

4. Đối với thiết kế đô thị riêng:

4.1. Lập mới thiết kế đô thị riêng:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập thiết kế đô thị riêng (theo mẫu);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các thiết kế đô thị riêng không thuộc trách nhiệm tổ chức lập thiết kế đô thị riêng của UBND quận - huyện);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh;

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí khu vực thiết kế đô thị riêng trích từ quy hoạch chi tiết hoặc quy

hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 hoặc quy hoạch chung quận, huyện;

+ Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập thiết kế đô thị riêng.

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 1 Mục IX Hướng dẫn này.

4.2. Lập điều chỉnh tổng thể thiết kế đô thị riêng:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới thiết kế đô thị riêng và có thêm:

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể đồ án thiết kế đô thị riêng của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng của cơ quan có thẩm quyền đính kèm bản sao các bản vẽ hướng dẫn thiết kế đô thị.

II. Thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng (lập mới và điều chỉnh tổng thể):

1. Đối với điều chỉnh quy hoạch chung quận - huyện:

Thực hiện theo Nghị định số 08/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.

2. Đối với quy hoạch chung thị trấn, các đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn; quy hoạch chung các khu chức năng đô thị đã được phê duyệt nhiệm vụ trước ngày 25/5/2010 - ngày Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực:

2.1. Lập mới quy hoạch:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (theo mẫu);

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung;

- Bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị, chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì bộ môn

chuyên ngành quy hoạch đô thị (hạng I đối với đô thị loại đặc biệt, loại I và hạng II đối với đô thị từ loại II trở xuống) tham gia lập đồ án quy hoạch;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch chung;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các đồ án quy hoạch không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của UBND quận - huyện);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản của các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan đến đồ án quy hoạch chung (đã được nêu yêu cầu cần lấy ý kiến trong quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh tổng hợp (có đính kèm các sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3, trong đó in màu bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất);

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và môi liên hệ vùng, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 (hoặc trích quy hoạch chung huyện hoặc thành phố);

+ Các bản đồ hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng kiến trúc cảnh quan;

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/5000 hoặc 1/10.000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ hiện trạng môi trường.

+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án. Sơ đồ này chỉ dùng khi nghiên cứu báo cáo, không nằm trong hồ sơ trình duyệt);

- + Sơ đồ định hướng phát triển không gian đô thị tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000;
- + Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000;
- + Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000 bao gồm:
 - * Bản đồ quy hoạch giao thông đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch cấp điện đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;
 - * Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;
 - * Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung;
- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 2 Mục IX Hướng dẫn này.

2.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chung của cơ quan có thẩm quyền, đính kèm bản sao các bản đồ quy hoạch đã phê duyệt.

3. Đối với quy hoạch chung Khu công nghiệp (quy mô ≥ 500 ha):

3.1. Lập mới quy hoạch:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập quy hoạch (theo mẫu);
- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung Khu công nghiệp;
- Bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư

vấn lập đồ án quy hoạch và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị, chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì bộ môn chuyên ngành quy hoạch đô thị hạng I tham gia lập đồ án quy hoạch;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch chung;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của Ban Quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố; UBND quận- huyện (địa phương có Khu công nghiệp được lập quy hoạch chung);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan đến đồ án quy hoạch chung (đã được nêu yêu cầu cần lấy ý kiến trong quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh tổng hợp có đính kèm các bản vẽ thu nhỏ in màu;

- Thành phần bản vẽ (in đen trắng):

+ Sơ đồ vị trí và môi liên hệ vùng tỷ lệ 1/25.000 - 1/50.000;

+ Các bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh quan và đánh giá quỹ đất xây dựng tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000;

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/5000 hoặc 1/10.000, bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ hiện trạng môi trường.

+ Sơ đồ cơ cấu quy hoạch (tối thiểu có 02 phương án để so sánh, lựa chọn), tỷ lệ 1/10.000;

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai, tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000, trong đó xác định ranh giới từng khu chức năng đất theo tính chất, chức năng sử dụng đối với đất xây dựng các loại xí nghiệp công nghiệp, công trình dịch vụ công cộng, đường giao thông, khu cây xanh, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật v.v...;

+ Bản đồ định hướng không gian kiến trúc cảnh quan;

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường khu công nghiệp, tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000 bao gồm:

* Bản đồ quy hoạch giao thông;

* Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ quy hoạch cấp năng lượng;

* Bản đồ quy hoạch cấp nước;

* Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;

* Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung Khu công nghiệp;

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung Khu công nghiệp.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 2 Mục IX Hướng dẫn này.

3.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chung Khu công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, đính kèm bản sao các bản đồ quy hoạch đã phê duyệt.

4. Đối với quy hoạch phân khu; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 trước ngày 25/5/2010 - ngày Nghị định số 37/2010/NĐ-CP có hiệu lực:

4.1. Lập mới quy hoạch:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (theo mẫu);

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000;

- Bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị tham gia lập đồ án quy hoạch;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của UBND quận - huyện);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan đến đồ án quy hoạch (đã được nêu yêu cầu cần lấy ý kiến trong quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh tổng hợp (có đính kèm các sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3, trong đó in màu bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất);

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000;

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000;

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2000 hoặc 1/5.000; bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ hiện trạng môi trường.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000 hoặc 1/5.000 (*đối với đồ án quy hoạch khu dân cư, cần thể hiện thêm sơ đồ thu nhỏ xác định ranh các đơn vị ở trên bản vẽ này*);

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000;

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000, bao gồm:

* Bản đồ quy hoạch giao thông đô thị;

* Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông đô thị);

* Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;

* Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;

* Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;

* Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;

* Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;

* Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000;

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 2 Mục IX Hướng dẫn này.

4.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 của cơ quan có thẩm quyền, đính kèm bản sao các bản đồ quy hoạch đã phê duyệt.

5. Đối với quy hoạch chi tiết (không thuộc chức năng cụm, khu công nghiệp):

5.1. Lập mới quy hoạch, thành phần hồ sơ:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (theo mẫu);

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị tham gia lập đồ án quy hoạch;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các quy hoạch chi tiết phục vụ cho công tác quản lý đô thị).

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cấp Giấy phép quy hoạch thì cần có thêm một trong các văn bản:

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) Giấy phép quy hoạch.

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản công nhận là chủ đầu tư của UBND thành phố hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ (đối với các dự án phát triển nhà ở thực hiện theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP);

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản giao làm chủ đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước).

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư

hoặc chấp thuận địa điểm đầu tư của UBND thành phố hoặc văn bản cho phép đầu tư của Sở Tài nguyên và Môi trường còn hiệu lực (*đối với các dự án đầu tư đã thực hiện thủ tục giao thuê đất theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố*).

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất (*đối với các chủ đầu tư đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất*).

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất, giao thuê đất theo quy định của pháp luật (*đối với các chủ đầu tư đã có pháp lý về quyền sử dụng đất, giao thuê đất theo quy định*);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh tổng hợp (có đính kèm các sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3);

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000;

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) bản đồ hiện trạng vị trí, tỷ lệ 1/500 (*đối với quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng*);

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500;

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500 bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ hiện trạng môi trường.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500;

+ Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan;

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500 bao gồm:

- * Bản đồ quy hoạch giao thông đô thị;
 - * Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông đô thị);
 - * Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị;
 - * Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;
 - * Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;
 - * Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết;
 - Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 2 Mục IX Hướng dẫn này.

5.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch chi tiết và có thêm bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết của cơ quan có thẩm quyền, đính kèm bản sao các bản đồ án quy hoạch đã phê duyệt.

6. Đối với quy hoạch chi tiết Cụm, Khu công nghiệp:

6.1. Lập mới quy hoạch:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập quy hoạch (theo mẫu);
- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị tham gia lập đồ án quy hoạch;
- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết;
- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố (*đối với quy hoạch khu công nghiệp*), Sở

Công Thương (*đối với quy hoạch Cụm công nghiệp*), UBND quận - huyện (*đối với các đồ án quy hoạch chi tiết Cụm, Khu công nghiệp nằm trong phạm vi địa giới hành chính của quận - huyện nhưng không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của UBND quận - huyện*);

- Bản chính hoặc bản sao văn bản (có chứng thực) ý kiến của các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan đến đồ án quy hoạch chi tiết Cụm, Khu công nghiệp (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND thành phố;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản cung cấp thông tin quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực hoặc Chứng chỉ quy hoạch (nếu có) hoặc Giấy phép quy hoạch (*đối với các trường hợp cần cấp Giấy phép quy hoạch*);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh tổng hợp có đính kèm các bản vẽ thu nhỏ in màu;

- Thành phần bản vẽ (in đen trắng. *Đối với diện tích lập quy hoạch > 200ha thì lập trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000. Đối với diện tích lập quy hoạch ≤ 200ha thì lập trên bản đồ tỷ lệ 1/500*):

+ Bản đồ vị trí và giới hạn khu đất tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;

+ Bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/500 hoặc 1/2000;

+ Các bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh quan, đánh giá quỹ đất xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc tỷ lệ 1/2.000 (*đối với các dự án đầu tư xây dựng Cụm, Khu công nghiệp đã xác định chủ đầu tư thì cần được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định*);

+ Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500 hoặc tỷ lệ 1/2.000 bao gồm:

* Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông;

* Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp điện và chiếu sáng;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống cấp nước;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ hiện trạng môi trường.

+ Sơ đồ cơ cấu quy hoạch (tối thiểu có 02 phương án để so sánh, lựa chọn), tỷ lệ 1/5.000;

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai, tỷ lệ 1/500 hoặc 1/2.000, trong đó xác định ranh giới từng khu đất và lô đất theo tính chất, chức năng sử dụng đối với đất xây dựng các loại xí nghiệp công nghiệp, công trình dịch vụ công cộng, đường giao thông, khu cây xanh, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật; các yêu cầu về quản lý sử dụng đất (tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất v.v...);

+ Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm, Khu công nghiệp tỷ lệ 1/500 hoặc 1/2000 (có kèm theo các bản vẽ thiết kế chi tiết), bao gồm:

* Bản đồ quy hoạch giao thông;

* Bản đồ cắm mốc chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng các tuyến đường (tùy theo nội dung và quy mô đồ án, có thể gộp chung với bản đồ quy hoạch giao thông);

* Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt;

* Bản đồ quy hoạch cấp năng lượng;

* Bản đồ quy hoạch cấp nước;

* Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn;

* Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc;

* Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược;

* Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp;

- Đĩa CD lưu toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết cụm, khu công nghiệp;

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 2 Mục IX Hướng dẫn này.

6.2. Lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết Cụm, Khu công nghiệp:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới quy hoạch và có thêm bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết Cụm, Khu công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Cụm, Khu công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền, đính kèm bản sao các bản đồ quy hoạch đã phê duyệt.

7. Đối với thiết kế đô thị riêng:

7.1. Lập mới thiết kế đô thị riêng:

a) Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của cơ quan tổ chức lập thiết kế đô thị riêng (theo mẫu);

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế đô thị riêng của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị tham gia lập thiết kế đô thị riêng;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư có liên quan đến đề án thiết kế đô thị riêng;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện (đối với các đề án thiết kế đô thị riêng không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch của UBND quận - huyện);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan đến đề án thiết kế đô thị riêng (đã được nêu yêu cầu cần lấy ý kiến trong quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí, mối quan hệ giữa khu vực thiết kế với đô thị và khu vực xung quanh;

+ Các sơ đồ đánh giá lịch sử phát triển của khu vực;

+ Các sơ đồ phân tích hiện trạng kiến trúc cảnh quan khu vực;

+ Các sơ đồ phân tích ý tưởng phân khu chức năng và tổ chức không gian;

+ Các bản vẽ hướng dẫn thiết kế đô thị.

- Dự thảo Quy định quản lý theo đề án thiết kế đô thị riêng.

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung thuyết minh, bản vẽ và dự thảo Quy định quản lý theo đồ án thiết kế đô thị riêng.

b) Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 2 Mục IX Hướng dẫn này.

7.2. Lập điều chỉnh tổng thể thiết kế đô thị riêng:

Số lượng, thành phần hồ sơ tương tự như trường hợp lập mới thiết kế đô thị riêng và có thêm bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng của cơ quan có thẩm quyền, đính kèm bản sao các bản vẽ đã phê duyệt.

III. Thành phần hồ sơ ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình (lập mới và điều chỉnh - đối với các dự án đầu tư xây dựng không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500):

1. Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình của chủ đầu tư (hoặc văn bản của cơ quan thẩm định dự án đầu tư) đề nghị có ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình (có nêu thuyết minh tóm tắt);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế và bản sao (có chứng thực) chứng chỉ hành nghề của các Kiến trúc sư, Kỹ sư quy hoạch đô thị tham gia lập bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản cung cấp thông tin quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực hoặc Chứng chỉ quy hoạch (nếu có) hoặc Giấy phép quy hoạch (*đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc các trường hợp cần cấp Giấy phép quy hoạch*);

- Một trong các văn bản sau đây:

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản công nhận là chủ đầu tư của UBND thành phố hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ (*đối với các dự án phát triển nhà ở thực hiện theo Nghị định số 71/2010/NĐ-CP*);

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản giao làm chủ đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (*đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước*);

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận địa điểm đầu tư của UBND thành phố hoặc văn bản cho phép đầu tư

của Sở Tài nguyên và Môi trường còn hiệu lực (*đối với các dự án đầu tư đã thực hiện thủ tục giao thuê đất theo Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố*);

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản pháp lý về quyền sử dụng đất, giao thuê đất theo quy định của pháp luật (*đối với các chủ đầu tư đã có pháp lý quyền sử dụng đất, giao thuê đất theo quy định*);

+ Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất (*đối với các chủ đầu tư đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất*).

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) các văn bản có liên quan (nếu có) để làm rõ thêm một số nội dung có liên quan trong hồ sơ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/500;

- Thành phần bản vẽ:

+ Tổng mặt bằng toàn khu đất tỷ lệ 1/500, có thể hiện sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.

+ Các mặt đứng triển khai không gian kiến trúc theo chiều ngang và chiều dọc khu đất (tối thiểu 02 mặt đứng triển khai), tỷ lệ 1/200 - 1/500 (*tùy theo quy mô khu đất, có thể gộp chung với bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500*);

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ thuyết minh, bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình.

2. Số lượng bộ hồ sơ: Xem khoản 3 Mục IX Hướng dẫn này.

Ghi chú:

- *Khung tên bản vẽ sử dụng khung tên theo quy định đối với đồ án quy hoạch chi tiết, nhưng không có ô đóng dấu của cơ quan thẩm định và cơ quan phê duyệt (thay bằng ô dành cho cơ quan có ý kiến chấp thuận ký tên, đóng dấu).*

- *Trong trường hợp cần điều chỉnh bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình thì cần phải lập lại hồ sơ theo quy định (nếu không thay đổi đơn vị tư vấn thiết kế thì không cần có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế và chứng chỉ hành nghề của các kiến trúc sư, kỹ sư quy hoạch đô thị tham gia thiết kế).*

- *Trong quá trình triển khai thực hiện loại hồ sơ này, nếu có vướng mắc phát*

sinh, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành có liên quan để thống nhất và có hướng dẫn bổ sung về nội dung bản vẽ có liên quan đến phương án kiến trúc công trình.

IV. Thành phần hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng:

1. Thành phần bộ hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị (có nêu lý do, nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị);

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của cơ quan có trách nhiệm rà soát quy hoạch đô thị theo quy định sau khi rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch đô thị (đối với các quy hoạch chi tiết của các dự án đầu tư xây dựng thì cần có bản sao (có chứng thực) văn bản ý kiến của UBND quận - huyện về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết sau khi chủ đầu tư báo lý do, đề xuất nội dung điều chỉnh);

- Bản sao (có chứng thực) Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị cần điều chỉnh cục bộ;

- Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) văn bản tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và các khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng trực tiếp;

- Bản sao (có chứng thực) các văn bản khác có liên quan (nếu có);

- Thành phần bản vẽ (*tỷ lệ các bản đồ điều chỉnh cục bộ theo tỷ lệ các bản đồ của đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt*):

+ Đối với điều chỉnh cục bộ một khu vực; một hay nhiều ô đường:

* Bản sao các bản đồ quy hoạch của đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt;

* Bản đồ vị trí, giới hạn ô đường, khu vực cần điều chỉnh cục bộ (trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt);

* Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất theo phương án điều chỉnh (*chỉ thể hiện khu vực điều chỉnh cục bộ và khu vực tiếp cận để đánh giá sự hài hòa về tổ chức không gian, cảnh quan kiến trúc và nối kết hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại khu vực*);

* Đối với trường hợp nội dung điều chỉnh có tác động ảnh hưởng cần phải điều

chỉnh quy hoạch giao thông, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác thì cần có thêm: bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác (gồm các bản vẽ như trường hợp lập mới các loại quy hoạch đô thị) theo phương án điều chỉnh trong phạm vi khu vực điều chỉnh cục bộ.

(Tùy theo quy mô khu vực điều chỉnh cục bộ, có thể gộp chung các bản đồ vị trí, bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất khu vực điều chỉnh vào chung một bản vẽ).

* Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung tờ trình, thành phần bản vẽ phương án điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị.

+ Đối với điều chỉnh cục bộ một lô đất, khu đất (không thuộc trường hợp cấp giấy phép quy hoạch):

* Bản sao bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng quy hoạch sử dụng đất của đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt;

* Bản đồ vị trí lô đất, khu đất cần điều chỉnh cục bộ trích từ bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được phê duyệt.

* Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực) bản đồ hiện trạng địa hình (lồng ghép bản đồ địa chính), xác định vị trí giới hạn lô đất, khu đất cần điều chỉnh cục bộ tỷ lệ 1/200 - 1/500.

* Đĩa CD lưu trữ toàn bộ nội dung tờ trình, thành phần bản vẽ vị trí, hiện trạng lô đất, khu đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị.

2. Số lượng bộ hồ sơ:

- **Đối với điều chỉnh cục bộ một khu vực, một hay nhiều ô đường:** Xem khoản 4 Mục IX Hướng dẫn này.

- **Đối với điều chỉnh cục bộ một lô đất, khu đất (không thuộc trường hợp cấp Giấy phép quy hoạch):** 02 bộ hồ sơ; riêng các bản đồ hiện trạng, vị trí lô đất, khu đất gồm 17 bộ.

Ghi chú:

- Nội dung Tờ trình cần có báo cáo, thuyết minh nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị (cần nêu đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Chương II Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố, trong đó lưu ý về khả năng cung cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu vực, lô đất, khu đất điều chỉnh cục bộ).

- Khung tên các bản vẽ tương tự như khung tên các bản vẽ của đồ án quy hoạch đô thị lập mới (các cơ quan có liên quan ký tên, đóng dấu vào khung tên này).

- Thành phần hồ sơ điều chỉnh cục bộ đối với một lô đất trong khu vực quy hoạch được quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố, được thực hiện theo quy định của UBND Thành phố về cấp Giấy phép quy hoạch (được nêu tại Mục VI Hướng dẫn này).

V. Thành phần hồ sơ thỏa thuận tổng mặt bằng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và thỏa thuận hướng tuyến, phương án tuyến (lập mới hoặc điều chỉnh tổng thể):

1. Thỏa thuận tổng mặt bằng các loại dự án đầu tư xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: mặt bằng trạm điện, trạm xử lý nước thải, trạm cấp nước, trạm trung chuyển rác, nhà máy xử lý rác...

- Số lượng, thành phần hồ sơ được thực hiện tương tự theo thành phần bộ hồ sơ thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết (đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô sử dụng đất \geq (lớn hơn hoặc bằng) 5ha) hoặc theo hồ sơ chấp thuận tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình (đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô sử dụng đất $<$ 5ha) đã được hướng dẫn tại Khoản 3 Mục I, Khoản 5 Mục II và Mục III Hướng dẫn này. Đối với hồ sơ thỏa thuận tổng mặt bằng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật công trình thì không cần có các bản vẽ các mặt đứng triển khai không gian kiến trúc theo chiều ngang và chiều dọc khu đất.

2. Thỏa thuận hướng tuyến đối với công trình dạng tuyến: tuyến giao thông, tuyến ống cấp nước, tuyến thoát nước, tuyến kè bờ, tuyến điện, thông tin liên lạc, tuyến ống dẫn khí...

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của chủ đầu tư (hoặc cơ quan thẩm định dự án đầu tư);

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ:

+ Bản đồ thể hiện hướng tuyến trên nền bản đồ hiện trạng, tỷ lệ 1/2000 - 1/10.000;

+ Bản đồ thể hiện hướng tuyến trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000 - 1/10.000.

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ thuyết minh, bản vẽ.

b) Số lượng hồ sơ: Xem khoản 3 Mục IX Hướng dẫn này.

3. Thỏa thuận phương án tuyển đối với công trình dạng tuyến: tuyến giao thông, tuyến cấp nước, tuyến thoát nước, tuyến kè bờ, tuyến điện, thông tin liên lạc, tuyến ống dẫn khí...

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của chủ đầu tư (hoặc cơ quan thẩm định dự án đầu tư);

- Bản sao (có chứng thực) văn bản thỏa thuận hướng tuyến;

- Thành phần bản vẽ:

+ Bản sao các bản đồ hướng tuyến đã được thỏa thuận;

+ Bản đồ thể hiện phương án tuyển trên nền bản đồ hiện trạng, tỷ lệ 1/500;

+ Bản đồ thể hiện phương án tuyển trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất, tỷ lệ 1/500 (nếu có);

- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ thuyết minh, bản vẽ.

Ghi chú: Đối với các trường hợp điều chỉnh thì cần có thêm văn bản, bản vẽ đã được thỏa thuận.

b) Số lượng hồ sơ: Xem khoản 3 Mục IX Hướng dẫn này.

VI. Thành phần hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch:

Bao gồm 01 bộ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch, trong đó có nêu dự kiến chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư (theo mẫu);

- Sơ đồ vị trí địa điểm, phạm vi, ranh giới đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch, xác định bằng bản đồ hiện trạng vị trí khu đất tỷ lệ 1/500 - 1/200 (đối với khu đất có diện tích >5ha thì có thể sử dụng tỷ lệ 1/2000 - 1/1000) do cơ quan có tư cách pháp nhân thực hiện.

- Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính của chủ đầu tư để triển khai dự án. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách thì chỉ cần có bản sao (có chứng thực) văn bản của cơ quan có thẩm quyền giao làm chủ đầu tư.

Ghi chú: Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã có văn bản cung cấp

thông tin về quy hoạch (hoặc chấp thuận các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch) của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực thì không cần lập thủ tục cấp Giấy phép quy hoạch.

VII. Thành phần hồ sơ cấp Chứng chỉ quy hoạch:

Bao gồm 01 bộ:

- Giấy đề nghị cấp Chứng chỉ quy hoạch (theo mẫu);
- Sơ đồ vị trí của khu vực hoặc lô đất xác định bằng bản đồ hiện trạng vị trí tỷ lệ 1/1000 - 1/2000 (đối với diện tích > 5ha), tỷ lệ 1/5000 (đối với diện tích ≤ 5ha) do cơ quan - đơn vị có tư cách pháp nhân thực hiện.

VIII. Thành phần hồ sơ do UBND quận - huyện, Ban Quản lý khu chức năng đô thị, các Sở, ngành chuyên Sở Quy hoạch - Kiến trúc để có ý kiến thống nhất bằng văn bản:

1. Đối với các hồ sơ quy hoạch đô thị (nhiệm vụ và đồ án), thiết kế đô thị riêng:

Bao gồm 01 bộ:

- Văn bản đề nghị của UBND quận - huyện, Ban Quản lý các khu chức năng đô thị;
- Toàn bộ hồ sơ theo thành phần bộ hồ sơ thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đã được quy định.

2. Đối với các hồ sơ về ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình:

Bao gồm 01 bộ:

- Văn bản đề nghị của UBND quận - huyện, Ban Quản lý các khu chức năng đô thị;
- Toàn bộ hồ sơ theo thành phần hồ sơ về ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình đã được quy định.

3. Đối với các hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch:

Bao gồm 01 bộ:

- Văn bản đề nghị của UBND quận - huyện, Ban Quản lý các khu chức năng đô thị;
- Toàn bộ hồ sơ theo thành phần hồ sơ cấp Giấy phép quy hoạch đã được quy định.

(Trong nội dung văn bản đề nghị, UBND quận - huyện, Ban Quản lý các khu chức năng đô thị cần xem xét trước hồ sơ và chỉ nêu các nội dung chính cần có ý kiến thống nhất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc (không lấy ý kiến toàn bộ nội dung quy hoạch hoặc phương án thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc công trình). Sau khi Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến thống nhất mới thẩm định, phê duyệt hoặc chấp thuận.

4. Đối với các hồ sơ có liên quan đến dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị:

Bao gồm 01 bộ:

- Văn bản đề nghị của các Sở, ngành;
- Toàn bộ các bản vẽ có liên quan.

IX. Số lượng bộ hồ sơ các loại quy hoạch đô thị; thiết kế đô thị riêng; bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình (lập mới và điều chỉnh):

Để tránh lãng phí thời gian và kinh phí in lại các bộ bản vẽ cho các cơ quan, tổ chức lập quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng, bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình (do có khả năng phải chỉnh sửa hồ sơ trong quá trình thẩm định); số lượng bộ hồ sơ và tiến độ tiếp nhận hồ sơ được thực hiện như sau:

1. Hồ sơ nhiệm vụ các loại quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng (lập mới và điều chỉnh tổng thể):

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ lần đầu: **02 bộ hồ sơ**.

- Sau khi chỉnh sửa hoàn chỉnh theo văn bản hướng dẫn của Sở Quy hoạch - Kiến trúc (nếu có): **02 tập thuyết minh và 02 bộ bản vẽ** (đính kèm 02 văn bản của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng về việc bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ).

- Sau khi Sở Quy hoạch - Kiến trúc ký Tờ trình đề nghị UBND thành phố phê duyệt: **15 tập thuyết minh, 15 bộ bản vẽ** (nếu không có yêu cầu chỉnh sửa trước đó thì gồm **17 tập thuyết minh và 17 bộ bản vẽ**) và **01 đĩa CD** lưu trữ các bản vẽ đã chỉnh sửa hoàn chỉnh.

2. Hồ sơ đồ án các loại quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng (lập mới và điều chỉnh tổng thể):

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ lần đầu: **02 bộ hồ sơ**. Riêng thuyết minh gồm **07 tập** và bản vẽ gồm **04 bộ**.

- Sau khi chỉnh sửa hoàn chỉnh theo văn bản hướng dẫn của Sở Quy hoạch -

Kiến trúc (nếu có): **02 tập thuyết minh** và **02 bộ bản vẽ phương án quy hoạch** (đính kèm **02 văn bản** của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng về việc bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ).

- Sau khi Sở Quy hoạch - Kiến trúc ký Tờ trình đề nghị UBND thành phố phê duyệt: **15 tập thuyết minh, 15 bộ bản vẽ phương án quy hoạch** (nếu không có yêu cầu chỉnh sửa trước đó thì gồm **17 tập thuyết minh** và **17 bộ bản vẽ** phương án quy hoạch) và **01 đĩa CD** lưu trữ các bản vẽ đã chỉnh sửa hoàn chỉnh.

3. Hồ sơ ý kiến chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình, hồ sơ thỏa thuận hướng tuyến, thỏa thuận phương án tuyến các công trình dạng tuyến (lập mới và điều chỉnh tổng thể):

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ lần đầu: **02 bộ hồ sơ**.

- Sau khi chỉnh sửa hoàn chỉnh theo văn bản hướng dẫn của Sở Quy hoạch - Kiến trúc (nếu có yêu cầu chỉnh sửa): **04 bộ bản vẽ phương án tổng mặt bằng - kiến trúc công trình** và **01 đĩa CD** lưu trữ các bản vẽ đã chỉnh sửa hoàn chỉnh (đính kèm **01 văn bản** của cơ quan tổ chức lập bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình về việc bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ nếu có yêu cầu chỉnh sửa trước đó của Sở Quy hoạch - Kiến trúc).

4. Hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng (điều chỉnh cục bộ một khu vực; một hay nhiều ô đường):

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ lần đầu: **02 bộ hồ sơ**.

- Sau khi chỉnh sửa hoàn chỉnh theo văn bản hướng dẫn của Sở Quy hoạch - Kiến trúc (nếu có): **02 bộ bản vẽ phương án điều chỉnh quy hoạch** (đính kèm **02 văn bản** của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị riêng về việc bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ).

- Sau khi Sở Quy hoạch - Kiến trúc ký Tờ trình đề nghị UBND thành phố phê duyệt: **15 bộ bản vẽ phương án điều chỉnh quy hoạch** (nếu không có yêu cầu chỉnh sửa trước đó thì gồm **17 bộ bản vẽ phương án điều chỉnh quy hoạch**) và **01 đĩa CD** lưu trữ các bản vẽ đã chỉnh sửa hoàn chỉnh.

X. Các nội dung hướng dẫn khác:

- Về thực hiện chuyển tiếp:

Đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị cung cấp các chỉ tiêu kiến trúc, quy hoạch (cung cấp thông tin về quy hoạch) gửi đến các cơ quan quản

lý quy hoạch đô thị trước ngày 23/7/2011 (ngày có hiệu lực thi hành của Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND thành phố) thì vẫn tiếp tục giải quyết theo các quy định trước đó. Kể từ ngày 23/7/2011, sẽ xem xét, giải quyết đề cấp Chứng chỉ quy hoạch hoặc Giấy phép quy hoạch theo Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND của UBND thành phố (đối với các trường hợp cần phải điều chỉnh cục bộ quy hoạch thì cần thực hiện theo Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 của UBND thành phố)

- Các bản đồ địa hình, địa chính phục vụ cho công tác quản lý quy hoạch đô thị nêu trên cần do cơ quan quản lý nhà nước về bản đồ cấp hoặc do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập, bảo đảm yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc bản đồ.

- Đối với đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000, có thể sử dụng bản đồ địa hình lồng ghép bản đồ địa chính đối với các loại bản đồ sau: hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng; hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường.

- Đối với đồ án quy hoạch chi tiết, cần sử dụng bản đồ địa hình lồng ghép bản đồ địa chính đối với các loại bản đồ sau: hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng; hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Nội dung thể hiện đối với thuyết minh, bản vẽ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị phải phù hợp từng loại quy hoạch và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ, Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 và Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 (đối với quy hoạch cụm, khu công nghiệp) của Bộ Xây dựng.

- Hệ thống ký hiệu bản vẽ đồ án quy hoạch đô thị phải tuân thủ theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Các thuyết minh, bản vẽ, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị - đồ án thiết kế đô thị riêng của các hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng, cần được cơ quan tổ chức lập quy hoạch (hoặc chủ đầu tư đối với quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng công trình), cơ quan thỏa thuận và cơ quan thẩm định ký tên và đóng dấu. Đối với các quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị

phục vụ cho công tác quản lý đô thị, trường hợp không thuộc trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị của UBND quận - huyện, các Ban Quản lý khu chức năng đô thị nhưng nằm trong phạm vi địa giới quản lý của các đơn vị nào thì đơn vị đó ký tên và đóng dấu thỏa thuận trên tập thuyết minh, các bản vẽ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị - đồ án thiết kế đô thị riêng (đối với quy hoạch chi tiết, bản vẽ tổng mặt bằng - phương án kiến trúc công trình các dự án đầu tư xây dựng công trình thì không cần có cơ quan thỏa thuận ký tên và đóng dấu).

Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ soạn thảo biểu mẫu khung tên các loại bản vẽ, tờ bìa tập thuyết minh, biểu mẫu Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị (các loại) - đồ án thiết kế đô thị riêng để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.

- Nội dung dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị phải thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Quy hoạch đô thị và phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng.

- Do lỗi kỹ thuật trong việc in văn bản ở một số biểu mẫu, để thống nhất cách ghi tầng cao theo TCVN 03: 2009/BXD, Sở Quy hoạch - Kiến trúc xin đính chính về nội dung “**tầng cao công trình**” tại các mẫu “**Giấy phép quy hoạch**” và mẫu “**Chứng chỉ quy hoạch**” được đính kèm Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND thành phố, như sau: bỏ dòng chữ “**không kể tầng lửng và tầng mái che cầu thang - nếu có**” (chỉ ghi “**...tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03: 2009/BXD)**”).

- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về quy hoạch đô thị (nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị - lập mới và điều chỉnh), cấp Giấy phép quy hoạch: thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Luật Quy hoạch đô thị, quy định của UBND thành phố và các hướng dẫn cụ thể của Bộ Xây dựng.

- UBND quận - huyện, các Ban Quản lý khu chức năng đô thị căn cứ vào nội dung Hướng dẫn này để phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện và làm cơ sở để có văn bản hướng dẫn thành phần hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

- Trong quá trình thực hiện Hướng dẫn này, nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh, các đơn vị có liên quan cần có phản ánh để Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét hướng dẫn bổ sung. Trong trường hợp Bộ Xây dựng có văn bản hướng dẫn mới có liên quan đến nội dung Hướng dẫn này, Sở Quy hoạch - Kiến trúc sẽ tổng hợp, bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

Hướng dẫn này được triển khai thực hiện kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông báo số 2840/TB-SQHKT ngày 12/10/2010 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về việc hướng dẫn thành phần hồ sơ thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị và thiết kế đô thị riêng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hướng dẫn thành phần hồ sơ khác có liên quan do Sở Quy hoạch - Kiến trúc phát hành trước đây./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Toàn

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng